

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

LƯU Ý: Nội dung đề thi giữa HKI từ bài 2 đến hết bài 9.

BÀI 2. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ (Atlas trang 4-5)

1. Vị trí địa lý

- Việt Nam nằm ở rìa Đông của bán đảo Đông Dương, gần Trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- Vị trí tiếp giáp
- Các điểm cực của đất nước
- Việt Nam nằm trong múi giờ thứ 7.

2. Phạm vi lãnh thổ

Chứng minh lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm: Vùng đất, vùng biển và vùng trời.

3. Ý nghĩa của vị trí địa lý nước ta

- Ý nghĩa tự nhiên
- Ý nghĩa kinh tế, văn hóa – xã hội và quốc phòng

BÀI 6. ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI (Atlas trang 13-14)

1. Đặc điểm chung của địa hình nước ta

- Địa hình nhiều đồi núi nhưng chủ yếu là đồi núi thấp
- Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng
- Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa
- Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người

2. Khu vực đồi núi

a. Vùng núi: Gồm 4 vùng: Tây Bắc, Đông Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

	Đông Bắc	Tây Bắc	Trường Sơn Bắc	Trường Sơn Nam
Phạm vi	Tả ngạn sông Hồng	Giữa sông Hồng và sông Cả	Sông Cả tới dãy Bạch Mã	Phía Nam dãy Bạch Mã.
Đặc điểm cơ bản	- Thấp và trung bình - Cao ở tây bắc, thấp xuống đông nam.	- Cao nhất cả nước - Địa hình gồm 3 dải	- Thấp và TB - Cao ở hai đầu, thấp ở giữa.	- Cao trung bình - Có sự bất đối xứng đông - tây.
Hướng núi	Vòng cung	Tây Bắc – Đông Nam	Tây Bắc – Đông Nam	Vòng cung

b. Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du:

3. Khu vực đồng bằng: ¼ diện tích, gồm 2 loại: đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển

- Đồng bằng sông Hồng
- Đồng bằng sông Cửu Long
- Đồng bằng duyên hải miền Trung

BÀI 8. THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

(Atlas trang 4-5, 6-7)

1. Đặc điểm biển Đông

- Biển Đông là biển rộng lớn.
- Là biển tương đối kín.
- Biển Đông mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

2. Ảnh hưởng của biển Đông đến tự nhiên Việt Nam

- a. **Đến khí hậu nước ta:** Làm cho khí hậu nước ta mang tính hải dương, điều hoà hơn
- b. **Đến địa hình ven biển:** Do tác động tổng hợp của sông ngòi, sóng biển, thủy triều và quá trình nội lực, địa hình ven biển nước ta đa dạng.
- c. **Đến hệ sinh thái vùng ven biển:** Các hệ sinh thái ven biển nước ta rất đa dạng và giàu có
- d. **Vùng biển nước ta giàu tài nguyên:** Gồm tài nguyên khoáng sản và tài nguyên hải sản
- e. **Một số thiên tai của vùng biển nước ta:** Bão, sạt lở bờ biển, Hiện tượng cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn làng mạc.

BÀI 9, 10. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA (Atlas trang 9-10-11-12)

1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa:

- Tính chất nhiệt đới: nêu biểu hiện (tổng bức xạ, cân bằng bức xạ, nhiệt độ trung bình năm, tổng số giờ nắng) và nguyên nhân.
- Lượng mưa, độ ẩm lớn: nêu biểu hiện (lượng mưa trung bình năm, độ ẩm không khí, cân bằng ẩm) và nguyên nhân.
- Gió mùa: nêu nguyên nhân, thời gian, nguồn gốc, hướng gió, tính chất của gió, phạm vi hoạt động, kiểu thời tiết đặc trưng của gió mùa mùa đông, gió mùa mùa hạ

2. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của các thành phần tự nhiên khác:

Thành phần	Biểu hiện
Địa hình	- Xâm thực mạnh ở miền đồi núi - Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông
Sông ngòi	- Mạng lưới sông ngòi dày đặc - Nhiều nước, giàu phù sa - Chế độ nước theo mùa
Đất	- Quá trình hình thành đất chủ yếu là feralit. - Lớp đất dày, đất chua, màu đỏ vàng - Đất feralit là loại đất chính ở đồi núi.
Sinh vật	- Rừng nguyên sinh là rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh. - Rừng thứ sinh là rừng nhiệt đới gió mùa. - Sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế. - Cảnh quan tiêu biểu: Rừng nhiệt đới gió mùa trên đất Feralit.

BÀI 11,12. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG (Atlas trang 9, 13, 14)

1. Thiên nhiên phân hoá theo Bắc-Nam

- * Nguyên nhân:
 - Lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc - Nam tới 15⁰vĩ.
 - Ảnh hưởng của gió mùa đông bắc kết hợp với địa hình.
- * Biểu hiện:
 - Rõ nét nhất ở thành phần khí hậu và cảnh quan.
 - Chia thành hai phần lãnh thổ Bắc và Nam, ranh giới là dãy Bạch Mã.

2. Thiên nhiên phân hoá theo Đông – Tây

Từ Đông sang Tây, thiên nhiên nước ta có sự phân hóa thành 3 dải rõ rệt: Vùng biển - thềm lục địa; đồng bằng; đồi núi.

3. Thiên nhiên phân hoá theo độ cao

- * Nguyên nhân: Nhiệt độ, lượng mưa và độ ẩm thay đổi theo độ cao.
- * Biểu hiện: 3 đai cao

V. Các miền địa lý tự nhiên

BÀI 14 - 15. SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TỰ NHIÊN

1. Tài nguyên rừng

- Suy giảm tài nguyên rừng: Diện tích rừng đang tăng nhưng tài nguyên rừng vẫn đang suy giảm
- Biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng

2. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất

a. Hiện trạng sử dụng đất

Tài nguyên đất đang được sử dụng chưa hợp lý và có nguy cơ suy giảm.

b. Biện pháp bảo vệ tài nguyên đất

- Đối với đất đồi núi
- Đối với đất nông nghiệp

3. Sử dụng và bảo vệ các tài nguyên khác

- Tài nguyên nước
- Tài nguyên khoáng sản
- Tài nguyên du lịch

II. Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai

1. Bảo vệ môi trường

* Có 2 vấn đề quan trọng nhất là mất cân bằng sinh thái và ô nhiễm môi trường

* Biện pháp: Cần sử dụng hợp lý, lâu bền tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo chất lượng môi trường.

2. Một số thiên tai chủ yếu: Bão, ngập lụt, lũ quét, hạn hán, ...

B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM KIẾN THỨC

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

Câu 1. Lãnh thổ nước ta là 1 thể thống nhất gồm:

- A. vùng đất, vùng biển và hải đảo.
- B. vùng đất, vùng biển và vùng trời.
- C. vùng đất, vùng trời và hải đảo.
- D. vùng đất, vùng biển và thềm lục địa.

Câu 2. Vị trí địa lí nước ta **không** phải ở

- A. trong vùng nội chí tuyến Bắc.
- B. trong vùng châu Á gió mùa.
- C. rìa đông bán đảo Đông Dương.
- D. trung tâm lục địa Á - Âu.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang hành chính, cho biết lãnh thổ nước ta tiếp giáp với những nước nào sau đây cả trên đất liền và trên biển?

- A. Trung Quốc và Lào.
- B. Lào và Campuchia.
- C. Trung Quốc và Campuchia.
- D. Thái Lan và Campuchia.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang hành chính, cho biết vùng biển nước ta tiếp giáp với vùng biển của bao nhiêu nước ?

- A. 6 nước.
- B. 7 nước.
- C. 8 nước.
- D. 9 nước.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang hành chính, cho biết điểm cực Bắc của nước ta thuộc địa danh nào sau đây?

- A. Xã Lũng Cú – Đồng Văn – Hà Giang.
- B. xã Đất Mũi – Ngọc Hiển – Cà Mau.
- C. xã Sín Thầu – Mường Nhé – Điện Biên.
- D. xã Vạn Thạnh – Vạn Ninh – Khánh Hòa.

Câu 6. Lãnh thổ vùng đất của nước ta bao gồm:

- A. đất liền và nội thủy.
- B. đất liền và lãnh hải.
- C. đất liền và thềm lục địa.
- D. đất liền và hải đảo.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang hình thể, cho biết đường biên giới nước ta với các nước láng giềng chủ yếu qua khu vực địa hình nào sau đây?

- A. Khu vực đồi núi.
- B. Khu vực đồng bằng.
- C. Khu vực cao nguyên.
- D. Khu vực đồi trung du.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang hình thể, cho biết đường biên giới nước ta với các nước láng giềng chủ yếu được xác định bằng các dạng địa hình nào sau đây?

- A. Đỉnh núi, sống núi, đường chia nước, khe, sông suối.
- B. Đỉnh núi, các đèo, đường bờ biển, khe núi, sông suối.
- C. Đỉnh núi, sống núi, thung lũng sâu, khe núi, sông suối.
- D. Đỉnh núi, các đèo, cao nguyên, thung lũng sông suối.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang hành chính, cho biết đường bờ biển nước ta cong hình chữ “S” được nối từ đâu đến đâu?

- A. Móng Cái (Quảng Ninh) – Đất Mũi (Cà Mau).
- B. Trà Cổ (Quảng Ninh) - Hà Tiên (Kiên Giang).
- C. Hạ Long (Quảng Ninh) – Phú Quốc (Kiên Giang).
- D. Móng Cái (Quảng Ninh) - Hà Tiên (Kiên Giang).

Câu 10. Nước ta có hai huyện đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa lần lượt thuộc tỉnh thành nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi và Đà Nẵng.
- B. Đà Nẵng và Khánh Hòa.
- C. Đà Nẵng và Vũng Tàu.
- D. Khánh Hòa và Vũng Tàu.

Câu 11. Vùng biển nào sau đây ở ngay phía ngoài và liền với đường cơ sở?

- A. Lãnh Hải.
- B. Tiếp giáp Lãnh Hải.
- C. Đặc quyền Kinh tế.
- D. Thềm Lục Địa.

Câu 12. Vùng biển nào sau đây của nước ta được kiểm soát thuế quan, quy định y tế, môi trường, nhập cư?

- A. Nội Thủy.
- B. Tiếp giáp Lãnh Hải.
- C. Đặc quyền Kinh tế.
- D. Thềm Lục Địa.

Câu 13. Đối với vùng thềm lục địa, nước ta có những quyền nào sau đây?

- A. Được việc thực hiện chủ quyền của nước ven biển.
- B. Được thực hiện biện pháp an ninh quốc phòng.
- C. Có chủ quyền về thăm dò, khai thác tài nguyên.
- D. Có chủ quyền hoàn toàn về các hoạt động kinh tế.

Câu 14. Hiện tượng nào sau đây **không** phải do vị trí ở trong vùng nội chí tuyến quy định?

- A. Hai lần mặt trời lên thiên đỉnh.
- B. Bức xạ mặt trời lớn.
- C. Gió Mậu dịch (Tín phong).
- D. Gió mùa cận nhiệt đới.

Câu 15. Do vị trí nước ta ở trong vùng nội chí tuyến nên có

- A. tính nhiệt đới.
- B. gió mùa.
- C. mưa nhiều.
- D. khí hậu phân hóa.

Câu 16. Nước ta có sự phong phú đa dạng về khoáng sản là do

- A. vị trí ven biển và liền kề các vành đai sinh khoáng.
- B. vị trí ven biển và trên đường di cư, di lưu của sinh vật.
- C. trong vùng nội chí tuyến và gần vành đai sinh khoáng.
- D. trong vùng châu Á gió mùa và gần vành đai sinh khoáng.

Câu 17. Vị trí và hình dáng lãnh thổ đã tạo cho nước ta có

- A. thiên nhiên phân hóa đa dạng.
- B. gió mùa và giàu khoáng sản.
- C. sông ngòi đa dạng, phong phú.
- D. gió tây nam và mưa nhiều.

Câu 18. Vị trí nước ta ven biển nên có

- A. khí hậu ôn hòa giảm khắc nghiệt của thời tiết.
- B. gió mùa và gió Mậu dịch hoạt động quanh năm.
- C. bức xạ lớn, nền nhiệt cao, nhiều ánh nắng.
- D. nhiều nắng, lượng mưa lớn, thay đổi theo mùa.

Câu 19. Nước ta có vị trí ở rìa đông bán đảo Đông Dương nên

- A. thuận lợi cho giao thương với các nước trong khu vực và trên thế giới.
- B. thuận lợi để chung sống hòa bình, hợp tác cùng phát triển với các nước.
- C. thuận lợi việc thông thương với nước láng giềng chủ yếu qua cửa khẩu
- D. khó khăn cho bảo vệ biên giới, chủ quyền vùng biển đảo và vùng trời.

Câu 20. Nước ta ở gần trung tâm Đông Nam Á nên

- A. thuận lợi cho thực hiện chính sách mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài.
- B. thuận lợi để chung sống hòa bình, hợp tác cùng phát triển với các nước.
- C. thuận lợi việc thông thương với nước láng giềng chủ yếu qua cửa khẩu
- D. khó khăn cho bảo vệ biên giới, chủ quyền vùng biển đảo và vùng trời.

II. THIÊN NHIÊN ẢNH HƯỞNG CỦA BIỂN

Câu 1. Biển Đông là vùng biển lớn nằm ở đâu ?

- A. Phía nam Trung Quốc và đông bắc Đài Loan.
- B. Phía đông Phi-líp-pin và phía tây của Việt Nam.
- C. Phía đông Việt Nam và tây Phi-lip-pin.
- D. Phía bắc của Xin-ga-po và phía nam Ma-lai-xi-a.

Câu 2. Biểu hiện nào sau đây thể hiện rõ nhất đặc điểm nóng ẩm của Biển Đông?

- A. Thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế.
- B. Nhiệt độ nước biển khá cao và thay đổi theo mùa.
- C. Có các dòng hải lưu nóng hoạt động suốt năm.
- D. Độ năm của nước biển cao và thay đổi theo mùa.

Câu 3. Đặc điểm nào của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta ?

- A. Nóng, ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- B. Có diện tích lớn gần 3,5 triệu km².
- C. Biển kín với các hải lưu chạy khép kín.
- D. Có thêm lục địa rộng, vùng biển sâu.

Câu 4. Ở nước ta thời tiết mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là nhờ

- A. nằm gần Xích đạo, mưa nhiều.
- B. chịu ảnh hưởng của địa hình.
- C. chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- D. chịu ảnh hưởng của biển.

Câu 5. Khu vực nào sau đây có vùng biển sâu và thềm lục địa thu hẹp?

- A. Vịnh Bắc Bộ.
- B. Vịnh Thái Lan.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Nam Trung Bộ.

Câu 6. Loại khoáng sản nào có tiềm năng vô tận ở Biển Đông nước ta ?

- A. Dầu khí.
- B. Muối biển.
- C. Cát trắng.
- D. Titan.

Câu 7. Vì sao vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lí tưởng ?

- A. Không có bão, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.
- B. Nhiệt độ cao nhiều nắng, nhiều gió, ít mưa, ít cửa sông.
- C. Địa hình bờ biển khúc khuỷu nhiều vũng vịnh, đầm phá.
- D. Có thềm lục địa thoải kéo dài sang tận Ma-lai-xi-a.

Câu 8. Khu vực nào của nước ta có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển nước sâu ?

- A. Vịnh Bắc Bộ.
- B. Vịnh Thái Lan.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 9. Hai bể trầm tích có trữ lượng dầu khí lớn nhất nước ta là :

- A. Sông Hồng và Trung Bộ.
- B. Cửu Long và Sông Hồng.
- C. Nam Côn Sơn và Cửu Long.
- D. Nam Côn Sơn và Thổ Chu - Mã Lai.

Câu 10. Cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng đồng làng mạc thường xuất hiện ở vùng bờ biển nào?

- A. Bờ biển Bắc Bộ.
- B. Bờ biển Trung Bộ.
- C. Bờ biển Nam Bộ.
- D. Tất cả đều đúng.

III. ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐÔI NÚI

Câu 1. Địa hình nhiều đồi núi của nước ta được thể hiện ở ý nào sau đây?

- A. Núi cao trên 2000 m chỉ chiếm 1% diện tích lãnh thổ.
- B. Địa hình dưới 1000 m chiếm 85% diện tích lãnh thổ.
- C. Địa hình đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ tự nhiên.
- D. Địa hình có sự phân bậc rõ rệt và gồm hai hướng chính.

Câu 2. Dãy núi cao nhất của nước ta là

- A. Trường Sơn Bắc.
- B. Con voi.
- C. Trường Sơn Nam.
- D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 3. Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng **không** thể hiện ở ý nào sau đây ?

- A. Phân bậc rõ rệt. B. Thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.
C. Gồm 2 hướng chính. D. Địa hình đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích.

Câu 4. Hướng vòng cung được thể hiện ở vùng núi nào?

- A. Tây Bắc và Trường Sơn Bắc. B. Đông Bắc và Trường Sơn Nam.
C. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam. D. Đông Bắc và Tây Bắc.

Câu 5. Các cánh cung ở vùng núi Đông Bắc chụm lại ở Tam Đảo và

- A. mở ra về phía bắc và phía tây. B. mở ra về phía bắc và phía nam.
C. mở ra về phía bắc và phía tây nam. D. mở ra về phía bắc và phía đông.

Câu 6. Hướng nghiêng địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. thấp dần từ tây bắc xuống đông nam. B. thấp dần từ đông bắc xuống tây nam.
C. thấp dần từ tây nam xuống đông bắc. D. thấp dần từ đông nam xuống tây bắc.

Câu 7. Vùng núi Đông Bắc có các đỉnh núi ở thượng nguồn sông Chảy cao trên 2000m là

- A. Tây Côn Lĩnh, Kiều Liêu Ti, Phan Xi Băng. B. Tây Côn Lĩnh, Kiều Liêu Ti.
C. Tây Côn Lĩnh, Phia Ya, Pu Tha Ca. D. Tây Côn Lĩnh, Pu Tha Ca.

Câu 8. Phạm vi vùng núi Tây Bắc

- A. là vùng núi tả ngạn Sông Hồng. B. giữa sông Hồng và sông Cả.
C. từ sông Cả đến dãy Bạch Mã. D. phía nam dãy Bạch Mã.

Câu 9. Dãy núi cao nhất của nước ta là

- A. Trường Sơn Bắc. B. Trường Sơn Nam. C. Con voi. D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 10. Cao Nguyên đá vôi Sín Chải Thuộc vùng núi nào ?

- A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 11. Giới hạn của dãy núi Trường Sơn Bắc là

- A. tả ngạn Sông Hồng. B. giữa sông Hồng và sông Cả.
C. từ sông Cả đến dãy Bạch Mã. D. phía nam dãy Bạch Mã.

Câu 12. Đặc điểm của địa hình vùng Trường Sơn Bắc là

- A. chủ yếu là núi thấp chạy theo hướng đông tây, hẹp ngang và cao ở 2 đầu, thấp ở giữa.
B. hẹp ngang, là núi cao nhất cả nước và địa hình gồm 3 dải chạy theo hướng bắc - nam.
C. các dãy núi chạy song song so le nhau theo hướng vòng cung, nâng cao hơn ở phía bắc.
D. các dãy núi chạy song song so le nhau theo hướng tây bắc – đông nam, nâng cao ở 2 đầu.

Câu 13. Dãy Bạch Mã là ranh giới của các tỉnh và thành phố nào?

- A. Quảng Nam và Đà Nẵng. B. Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng.
C. Hà Tĩnh và Quảng Bình. D. Quảng Nam và Quảng Ngãi.

Câu 14. Cao nguyên Di Linh thuộc vùng núi nào ?

- A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 15. Đồng Bằng Sông Hồng được bồi tụ do phù sa của hệ thống sông nào ?

- A. Sông Tiền và Sông Hậu. B. Sông Hồng và Sông Đà.
C. Sông Hồng và Sông Thái Bình. D. Sông Đà và Sông Lô.

Câu 16. Đồng bằng sông Hồng **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Phần trong đê không còn được phù sa bồi đắp do hệ thống đê ngăn lũ.
B. Vùng trong đê gồm các ô trũng ngập nước và ruộng bậc cao bạc màu.
C. Vùng ngoài đê thường xuyên bị ngập nước và vẫn được phù sa bồi tụ.
D. Hệ thống kênh rạch chằng chịt, diện tích đất nhiễm mặn, đất phèn lớn.

Câu 17. Đặc điểm của Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Có hệ thống đê ven sông để chống ngập. B. Bị nhiễm phèn vào mùa mưa với diện tích lớn.
C. Bị ngập lụt vào mùa mưa trên diện rộng. D. Có địa hình tương đối cao và khá bằng phẳng.

- Câu 18.** Đồng bằng sông Cửu Long có hai vùng trũng lớn chưa được bồi tụ xong là
- A. Cà mau và Đồng Tháp Mười. B. Kiên giang và Đồng Tháp Mười.
C. Tứ Giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười. D. Tứ Giác Long Xuyên và Cà Mau.

Câu 19. Đồng bằng sông Cửu Long thường xuyên bị nhiễm mặn vào mùa khô là do:

- A. Địa hình thấp nên thủy triều lấn sâu vào mùa khô.
B. Có nhiều vùng trũng lớn dễ bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.
C. Biển bao quanh, có gió mạnh nên đưa nước biển vào.
D. Nhiều sông ngòi tạo điều kiện dẫn nước biển vào sâu đất liền.

Câu 20. Đồng bằng châu thổ sông Hồng có đặc điểm địa hình là

- A. cao ở phía tây và tây bắc, thấp dần ra phía biển.
B. thấp và bằng phẳng, có kênh rạch chằng chịt.
C. hẹp ngang, bị chia cắt thành các đồng bằng nhỏ.
D. có diện tích 40 nghìn km², chủ yếu là đất phèn.

IV. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

Câu 1. Thiên nhiên Việt Nam có tính chất nhiệt đới là do vị trí nước ta

- A. trong vùng nội chí tuyến. B. trong khu vực gió mùa châu Á.
C. tiếp giáp Biển Đông. D. ở gần áp cao Ấn Độ Dương.

Câu 2. Hằng năm, lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn do

- A. có góc nhập xạ lớn và ở mọi nơi đều có ba lần Mặt trời lên thiên đỉnh trong năm.
B. có góc nhập xạ lớn và ở mọi nơi đều có hai lần Mặt trời lên thiên đỉnh trong năm.
C. có góc nhập xạ lớn và ở mọi nơi đều có một lần Mặt trời lên thiên đỉnh trong năm.
D. có góc nhập xạ lớn và ở mọi nơi đều có không Mặt trời lên thiên đỉnh trong năm.

Câu 3. Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc của nước ta đều hơn 20⁰C, trừ những vùng

- A. núi cao. B. bán bình nguyên. C. đồng bằng. D. ven biển.

Câu 4. Nguyên nhân nào sau đây làm cho lượng mưa của nước ta phân bố **không** đều giữa các vùng?

- A. Do gió mùa và bức chắn địa hình. B. Khí hậu và yếu tố sông ngòi.
C. Có nhiều đồng bằng rộng lớn. D. Do ảnh hưởng của Biển Đông.

Câu 5. Khí hậu Việt Nam chịu ảnh hưởng của các khối khí hoạt động theo mùa với

- A. một mùa gió chính. B. hai mùa gió chính.
C. ba mùa gió chính. D. bốn mùa gió chính.

Câu 6. Nguồn gốc của gió mùa mùa đông là do

- A. cao áp lạnh Xi-bia. B. cao áp nóng ẩm Ấn Độ Dương.
C. cao áp cận chí tuyến bán cầu Nam. D. cao áp cận chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 7. Tính chất của gió mùa mùa đông là

- A. lạnh khô. B. lạnh ẩm. C. nóng ẩm. D. khô nóng.

Câu 8. Ở nước ta, nơi có chế độ khí hậu với mùa hạ nóng ẩm, mùa đông lạnh khô, hai mùa chuyển tiếp xuân, thu là

- A. Khu vực phía nam vĩ tuyến 16°B. B. Khu vực phía đông dãy Trường Sơn.
C. Khu vực phía bắc vĩ tuyến 16°B. D. Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ.

Câu 9. Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây ?

- A. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô ít mưa.
B. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh ẩm mưa phùn.
C. Xuất hiện thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh.
D. Kéo dài liên tục suốt 3 tháng với nhiệt độ trung bình các tháng luôn dưới 18°C.

Câu 10. Gió mùa mùa đông ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu nước ta ?

- A. Gây mưa cho cả nước và khô ở Trung Bộ. B. Tạo nên mùa đông lạnh ở miền Bắc.
C. Gây mưa cho Nam Bộ và Tây Nguyên. D. Tạo nên sự phân hóa theo độ cao.

Câu 11. Gió đông bắc thổi ở vùng phía nam đèo Hải Vân vào mùa đông thực chất là

- A. Gió mùa đông nhưng đã biến tính khi vượt qua dãy Bạch Mã.
- B. Loại gió địa phương hoạt động thường xuyên giữa biển và đất liền.
- C. Gió Mậu dịch ở nửa cầu Bắc hoạt động thường xuyên suốt năm.
- D. Gió mùa đông xuất phát từ cao áp lạnh ở lục địa châu Á.

Câu 12. Tính chất của gió mùa hạ là

- A. lạnh khô.
- B. lạnh ẩm.
- C. nóng ẩm.
- D. khô nóng.

Câu 13. Gió fơn khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ và phần phía nam của vùng núi Tây Bắc có nguồn gốc từ

- A. Cao áp cận chí tuyến ở nửa cầu Nam.
- B. Cao áp Ấn Độ Dương hoạt động mạnh.
- C. Cao áp cận chí tuyến ở nửa cầu Bắc.
- D. Cao áp cận chí tuyến Nam Thái Bình Dương.

Câu 14. Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào đầu mùa hạ là

- A. khối khí cận chí tuyến bán cầu Bắc.
- B. khối khí Bắc Ấn Độ Dương.
- C. khối khí cận chí tuyến bán cầu Nam.
- D. dải hội tụ nhiệt đới và bão.

Câu 15. Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì giữa và cuối mùa hạ là do ảnh hưởng của

- A. khối khí cận chí tuyến bán cầu Bắc.
- B. khối khí Bắc Ấn Độ Dương.
- C. khối khí cận chí tuyến bán cầu Nam.
- D. gió Mậu dịch bán cầu Bắc.

Câu 16. Ở đồng bằng Bắc Bộ, gió đông nam xuất hiện là do

- A. hình thành khối khí áp thấp Bắc Bộ.
- B. gió Mậu dịch hoạt động ở miền Bắc.
- C. khối khí cao áp Nam Ấn Độ Dương.
- D. khối khí chí tuyến Bán Cầu Bắc.

Câu 17. Biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

- A. Địa hình xâm thực - bồi tụ là kiểu địa hình chính ở nước ta.
- B. Địa hình nhiều đồi núi nhưng chủ yếu đồi núi thấp dưới 1000 m.
- C. Địa hình có 2 hướng là vòng cung và Tây Bắc – Đông Nam.
- D. Địa hình phân bậc, cao ở Tây Bắc, thấp dần xuống Đông Nam.

Câu 18. Đây là biểu hiện của sông ngòi nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta?

- A. Lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
- B. Phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
- C. Phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ quét, ngập lụt.
- D. Sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.

Câu 19. Ý nào sau đây **không đúng** với biểu hiện sông ngòi nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ?

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- B. Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa.
- C. Chế độ nước sông theo mùa.
- D. Chủ yếu là sông ngòi ngắn và dốc.

Câu 20. Tính chất nào sau đây **không phải** là đặc điểm của sông ngòi duyên hải miền Trung?

- A. Chế độ nước thất thường.
- B. Lũ lên xuống chậm và kéo dài.
- C. Dòng sông ngắn và dốc.
- D. Lòng sông cạn và nhiều cồn cát.

Câu 21. Có chế độ nước thất thường, lũ muộn chủ yếu vào thu đông là đặc điểm của hệ thống sông

- A. Tây Bắc.
- B. Duyên hải miền Trung.
- C. Đông Bắc.
- D. Tây Nguyên.

Câu 22. Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì sao ?

- A. Có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3 .
- B. Có sự tích tụ nhiều Al_2O_3 .
- C. Mưa nhiều rửa trôi các chất bazo dễ tan.
- D. Quá trình phong hoá diễn ra mạnh.

Câu 23. Nước ta có lớp đất dày là do

- A. quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh.
- B. mưa nhiều rửa trôi các chất bazo dễ tan.
- C. quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng đồi núi thấp.
- D. đất feralit là loại đất chính.

Câu 24. Kiểu rừng gió mùa thường xanh, rừng gió mùa nửa rụng lá, rừng nhiệt đới khô thưa rụng lá là kiểu hệ sinh thái nào?

- A. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh. B. Hệ sinh thái rừng thứ sinh.
C. Hệ sinh thái rừng trồng. D. Hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 25. Kiểu rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là:

- A. Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh. B. Rừng gió mùa thường xanh.
C. Rừng gió mùa nửa rụng lá. D. Rừng ngập mặn thường xanh ven biển.

V. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG

Câu 1. Biểu hiện chính của sự phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc - Nam) là thành phần:

- A. Địa hình. B. Khí hậu. C. Đất đai. D. lượng mưa.

Câu 2. Thiên nhiên nước ta có sự khác nhau giữa Nam và Bắc **không phải do** sự khác nhau về

- A. lượng mưa. B. số giờ nắng. C. lượng bức xạ. D. nhiệt độ trung bình.

Câu 3. Càng về phía Nam thì

- A. nhiệt độ trung bình càng tăng. B. nhiệt độ trung bình tháng lạnh càng giảm.
C. biên độ nhiệt càng tăng. D. nhiệt độ trung bình tháng nóng càng giảm.

Câu 4. Biên độ nhiệt năm ở nước ta thay đổi như thế nào ?

- A. Giảm dần từ Nam ra Bắc. B. Tăng dần từ Nam ra Bắc.
C. Cao nhất ở miền Bắc. D. Không khác nhau giữa các vùng.

Câu 5. Nhiệt độ trung bình năm phần lãnh thổ phía Bắc ($^{\circ}\text{C}$) là

- A. trên 20. B. trên 22. C. trên 24. D. trên 18.

Câu 6. Ranh giới phân chia khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam là

- A. dãy Hoàng Sơn. B. dãy Hoàng Liên Sơn. C. dãy Bạch Mã. D. dãy Trường Sơn Nam.

Câu 7. Đặc trưng khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc là

- A. cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh. B. cận xích đạo gió mùa.
C. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. D. xích đạo ẩm có mùa đông lạnh.

Câu 8. Ý nào **không** đúng với đặc điểm khí hậu phần lãnh thổ phía Nam (từ 16°B trở vào)?

- A. Không tháng nào dưới 20°C . B. Quanh năm nóng.
C. Mùa đông có mưa phùn. D. Có hai mùa mưa, khô.

Câu 9. Ở miền Bắc nước ta, nhiệt độ giảm thấp vào mùa đông là do

- A. Chịu tác động của gió mùa Tây Nam. B. Chịu tác động của gió mùa Đông Bắc.
C. Chịu tác động của gió phơn. D. Dãy Trường Sơn chắn gió.

Câu 10. Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là

- A. rừng cận xích đạo gió mùa. B. rừng xích đạo ẩm.
C. rừng nhiệt đới gió mùa. D. rừng nhiệt đới ẩm.

Câu 11. Loại cây nào sau đây thuộc loại cây ôn đới?

- A. Cây Sa mu, Pơ mu. B. Cây Dẻ, cây Re. C. Cây họ Dầu. D. Cây họ Vang.

Câu 12. Động vật nào sau đây **không** tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Nam?

- A. Thú lớn (voi, hổ, báo,...). B. Bò sát (trăn, rắn, cá sấu).
C. Thú có lông dày (gấu, chồn,...). D.Ếch Nhái.

Câu 13. Ở miền Bắc nước ta, nhiệt độ giảm thấp vào mùa đông là do

- A. chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. B. gần đường Xích Đạo.
C. chịu tác động của gió phơn. D. dãy Trường Sơn chắn gió.

Câu 14. Ý nào **không đúng** với đặc điểm khí hậu phần lãnh thổ phía Nam (từ 16°B trở vào)?

- A. Không tháng nào nhiệt độ dưới 20°C . B. Quanh năm nóng trên 20°C .
C. Mùa đông có mưa phùn. D. Có hai mùa mưa và khô rõ rệt.

Câu 15. Điểm giống nhau về tự nhiên của đông Trường Sơn Nam và Tây Nguyên là

- A. có mưa vào thu đông.
- B. có một mùa khô sâu sắc.
- C. mùa mưa vào hè thu.
- D. về mùa hạ có gió Tây khô nóng.

Câu 16. Sự phân hóa đai cao ở nước ta là do càng lên cao

- A. nhiệt độ càng giảm.
- B. nhiệt độ càng tăng.
- C. lượng mưa càng giảm.
- D. độ ẩm càng giảm.

Câu 17. Nhóm đất chính của đai **ôn đới** gió mùa núi cao là

- A. đất phù sa.
- B. đất mùn thô.
- C. đất ba dan.
- D. đất feralit có mùn.

Câu 18. Đặc điểm **khí hậu** của **đai nhiệt đới** gió mùa chân núi là

- A. mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình tháng trên 25°C.
- B. mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 20°C.
- C. quanh năm dưới 15°C, mùa đông xuống dưới 5°C.
- D. mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình tháng trên 18 °C.

Câu 19. Hệ sinh thái rừng ở những vùng núi thấp, mưa nhiều, khí hậu ẩm ướt, mùa khô không rõ là

- A. rừng thưa nhiệt đới khô.
- B. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
- C. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- D. rừng hỗn hợp lá rộng và lá kim.

Câu 20. Điểm nào sau đây **không** đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

- A. Vùng biển, thềm lục địa, ở phía Bắc và phía Nam, nông và mở rộng.
- B. Thềm lục địa ở miền Trung thu hẹp, tiếp giáp vùng biển nước sâu.
- C. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích đất liền.
- D. Đường bờ biển Nam Trung bộ bằng phẳng.

Câu 21. Khi Tây Nguyên vào mùa mưa thì sườn Đông Trường Sơn có

- A. mưa lớn.
- B. gió Đông lạnh khô.
- C. gió Tây khô nóng.
- D. gió Mậu dịch.

Câu 22. Miền Bắc ở độ cao trên 600 m, còn miền Nam phải 1000 m mới có khí hậu á nhiệt đới là do

- A. địa hình miền Bắc cao hơn miền Nam.
- B. miền Bắc mưa nhiều hơn miền Nam.
- C. nền nhiệt độ của miền Bắc thấp hơn miền Nam.
- D. miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.

Câu 23. Sự phân hóa đai cao ở nước ta trước hết là do sự thay đổi theo độ cao của

- A. khí hậu.
- B. sinh vật.
- C. đất.
- D. sông ngòi.

Câu 24. Khoáng sản nổi bật ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. dầu khí và bô xít.
- B. Thiếc và khí tự nhiên.
- C. vật liệu xây dựng và quặng sắt.
- D. Than đá và apatit.

Câu 25. Phạm vi của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

- A. từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả.
- B. từ phía Nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.
- C. từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.
- D. từ dãy Bạch Mã trở vào Nam.

VI. SỬ DỤNG, BẢO VỆ TỰ NHIÊN

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên ở nước ta **không** phải là

- A. dân số đông, trình độ dân trí thấp.
- B. trình độ tổ chức quản lý yếu kém.
- C. kĩ thuật và công nghệ khai thác lạc hậu.
- D. tài nguyên chủ yếu ở vùng núi.

Câu 2. Đối với nước ta, để bảo đảm cân bằng môi trường sinh thái cần phải

- A. duy trì diện tích rừng ít nhất là như hiện nay.
- B. nâng diện tích rừng lên khoảng 14 triệu ha.
- C. đạt độ che phủ rừng lên từ 50% đến 55%.
- D. nâng độ che phủ rừng lên từ 45% đến 50%.

Câu 3. Một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ rừng được triển khai ở nước ta hiện nay là

- A. cấm khai thác và xuất khẩu gỗ.
- B. nhập khẩu gỗ từ các nước để chế biến.
- C. giao đất, giao rừng cho người dân.
- D. trồng mới 5 triệu ha rừng cho năm 2010.

Câu 4. Một trong những biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng đặc dụng là

- A. gây trồng rừng trên đất trống đồi trọc.
- B. có kế hoạch, biện pháp bảo vệ và nuôi dưỡng rừng hiện có.
- C. Đảm bảo duy trì, phát triển diện tích và chất lượng rừng.
- D. Bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia.

Câu 8. Biện pháp bảo vệ tài nguyên đất quan trọng nhất ở vùng đồi núi **không** phải là

- A. áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác hợp lý.
- B. cải tạo đất đồi trọc bằng các biện pháp nông-lâm kết hợp.
- C. tổ chức định canh, định cư lâu dài cho dân cư miền núi.
- D. đẩy mạnh thâm canh, chống nhiễm mặn nhiễm phèn đất.

Câu 9. Biện pháp bảo vệ và sử dụng hợp lí tài nguyên nước **không** phải là

- A. sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước.
- B. đảm bảo cân bằng nguồn nước.
- C. phòng chống ô nhiễm nguồn nước.
- D. phát triển thủy điện trên các sông.

Câu 10. Nguyên nhân chủ yếu nhất làm ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay là do

- A. khai thác quá mức tài nguyên rừng.
- B. hậu quả của chiến tranh tàn phá.
- C. hậu quả của thiên tai bão lụt, hạn hán.
- D. hoạt động sản xuất và đời sống.

Câu 11. Biểu hiện rõ nhất của ô nhiễm môi trường ở nước ta **không** phải là

- A. sự ô nhiễm môi trường nước, không khí và đất ở các cửa sông ven biển.
- B. sự ô nhiễm môi trường nước, không khí và đất ở các khu công nghiệp.
- C. sự ô nhiễm môi trường nước, không khí và đất ở các thành phố lớn.
- D. sự ô nhiễm môi trường nước, không khí và đất ở vùng núi do mất rừng.

Câu 12. Bảo vệ tài nguyên và môi trường bao gồm việc sử dụng tài nguyên hợp lí, bền vững và

- A. đảm bảo chất lượng môi trường nước.
- B. đảm bảo chất lượng môi trường đất.
- C. đảm bảo chất lượng môi trường khí.
- D. đảm bảo chất lượng môi trường sống.

Câu 14. Ở nước ta thường có những thiên tai nào?

- A. bão, lũ quét, lụt, hạn hán.
- B. bão, lũ quét, lụt, động đất.
- C. lũ quét, lốc, mưa đá, hạn hán.
- D. bão, lốc, mưa đá, sương muối.

Câu 15. Nhìn chung, mùa bão ở nước ta thường bắt đầu và kết thúc trong thời gian

- A. từ tháng V đến tháng X.
- B. từ tháng VI đến tháng XI.
- C. từ tháng V đến tháng XII.
- D. từ tháng VI đến tháng XII.

Câu 16. Ở nước ta bão tập trung nhiều nhất vào:

- A. Tháng 7.
- B. Tháng 8.
- C. Tháng 9.
- D. Tháng 10.

Câu 17. Lũ quét thường diễn ra ở

- A. lưu vực sông suối miền núi.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. lưu vực đồng bằng Bắc Bộ.
- D. Tây Nguyên và Nam Bộ.

Câu 18. Thời gian lũ quét thường diễn ra ở miền Bắc là

- A. từ tháng VI đến tháng X.
- B. từ tháng X đến tháng XII.
- C. từ tháng XI đến tháng IV.
- D. từ tháng V đến tháng X.

Câu 19. Đồng bằng Nam Bộ bị ngập lụt chủ yếu do

- A. diện mưa bão rộng, mật độ xây dựng cao.
- B. mưa lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.
- C. địa hình thấp lại có mật độ xây dựng cao.
- D. mưa lớn ở thượng nguồn và triều cường.

Câu 20. Thời gian khô hạn kéo dài từ 3 đến 4 tháng diễn ra ở

- A. Đồng bằng Nam Bộ và vùng thấp của Tây Nguyên.
- B. ven biển cực Nam Trung Bộ và Đồng bằng Nam Bộ.
- C. Yên Châu, Sông Mã (Sơn La), Lục Ngạn (Bắc Giang).
- D. ven biển Trung Bộ và vùng núi thấp của tây Nguyên.

C. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM KĨ NĂNG

I. ĐỌC HIỂU

Dựa vào các thông tin được cung cấp dưới đây để trả lời các câu hỏi:

Gần đây, chỉ số ô nhiễm không khí tại Hà Nội và các tỉnh/thành phố lớn, các khu công nghiệp ở ngưỡng cao của thang cảnh báo. Tại các đô thị, ô nhiễm do bụi, đặc biệt bụi mịn vẫn là vấn đề đáng lo ngại nhất, có tác động nguy hại đáng kể đối với sức khỏe người dân. Nồng độ các thông số bụi (bụi mịn và bụi lơ lửng tổng số) có xu hướng duy trì ở ngưỡng cao, đặc biệt tại các trục giao thông và tuyến đường chính ở các đô thị lớn. Kể từ tháng 9/2019 đến nay, liên tiếp trong nhiều ngày, Hà Nội và TP.HCM có chất lượng không khí xấu, một số thời điểm chỉ số AQI ở ngưỡng nguy hại, không tốt cho sức khỏe.

Theo phân tích của Bộ Tài nguyên và Môi trường, những nguyên nhân gây ô nhiễm không khí tại Hà Nội cũng như các đô thị khác chủ yếu do: phát thải từ hoạt động giao thông; việc xây dựng, sửa chữa công trình hạ tầng đô thị; hoạt động sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp; thói quen sử dụng than tổ ong và tình trạng đốt rơm rạ trong mùa thu hoạch của người dân.

Tại tọa đàm "Ô nhiễm không khí tại Việt Nam từ góc nhìn kinh tế" tổ chức sáng 14/1, PGS.TS Đinh Đức Trường (Giảng viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân) cho biết, mỗi năm Việt Nam có hàng chục nghìn người tử vong do ô nhiễm môi trường, 2/3 trong số đó tử vong do ô nhiễm không khí. Theo đó, năm 2018, 71.000 người chịu tác động của ô nhiễm môi trường, trong đó 50.000 người tử vong vì ảnh hưởng bởi không khí độc hại. Thiệt hại kinh tế do ô nhiễm không khí ở thời điểm này ước tính 10,82-13,63 tỷ USD, tương đương 240.000 tỷ đồng, chiếm 4,45-5,64% GDP cả nước.

(Nguồn: Tổng hợp từ Internet: vietnamnet.vn và hanoimoi.com.vn)

Câu 1. Tại Hà Nội và các đô thị lớn nước ta, vấn đề ô nhiễm không khí đang nóng lên hiện nay là

- A. ô nhiễm do bụi mịn.
- B. ô nhiễm tiếng ồn.
- C. ô nhiễm khí độc.
- D. ô nhiễm mùi hôi thối.

Câu 2. Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở các đô thị không bao gồm:

- A. hoạt động giao thông vận tải.
- B. hoạt động sản xuất công nghiệp.
- C. việc xây dựng các công trình đô thị.
- D. do cháy rừng.

Câu 3. Biện pháp đúng để hạn chế ô nhiễm không khí là

- A. sử dụng các loại xe ô tô chạy bằng dầu.
- B. tăng cường xây dựng các công trình hạ tầng đô thị.
- C. đẩy nhanh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
- D. khuyến khích người dân đi lại bằng phương tiện công cộng.

II. ATLAT

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với tỉnh Khánh Hòa ở phía Bắc?

- A. Ninh Thuận.
- B. Phú Yên.
- C. Nghệ An.
- D. Hà Tĩnh.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta có vĩ độ cao nhất?

- A. Hà Giang.
- B. Khánh Hòa
- C. Điện Biên
- D. Cà Mau.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây vừa giáp Trung Quốc, vừa giáp Lào?

- A. Điện Biên.
- B. Lào Cai.
- C. Sơn La.
- D. Lai Châu.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết điểm cực Tây phần đất liền của nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Khánh Hòa.
- B. Cà Mau.
- C. Hà Giang.
- D. Điện Biên.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang hình thể, hãy cho biết vùng biển nào sau đây nông và có thềm lục địa thu hẹp nhất?

- A. Vịnh Bắc Bộ.
- B. Vịnh Thái Lan.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Nam Trung Bộ.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Địa chất, khoáng sản, cho biết mỏ Apatit lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ thuộc tỉnh nào sau đây ?

A. Lào Cai. B. Lai Châu. C. Yên Bái. D. Tuyên Quang.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas trang Khí hậu, hãy cho biết khu vực có khí hậu khô hạn nhất ở Việt Nam (với lượng mưa trung bình năm dưới 800 mm) thuộc tỉnh nào?

A. Sơn La. B. Nghệ An. C. Ninh Thuận. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Tây Bắc Bộ?

A. Lạng Sơn. B. Thanh Hóa. C. Điện Biên Phủ. D. Sa Pa.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết gió tháng 1 tại trạm Đồng Hới chủ yếu thổi theo hướng nào sau đây?

A. Đông bắc. B. Tây bắc. C. Tây nam. D. Bắc.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII?

A. Hà Nội. B. Thanh Hóa. C. Đà Nẵng. D. Nha Trang.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nơi nào sau đây có khí hậu khô hạn nhất nước ta?

A. Sơn La. B. Ninh Thuận. C. Bà Rịa - Vũng Tàu. D. Nghệ An.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây **không** thuộc lưu vực hệ thống sông Hồng?

A. Lô. B. Gâm. C. Đà. D. Cầu.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây đổ ra Biển Đông qua cửa Đại?

A. Sông Ba. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Gianh. D. Sông Bến Hải.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết lưu lượng nước trung bình nhỏ nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào tháng nào sau đây?

A. 4. B. 5. C. 3. D. 2.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây **không** thuộc lưu vực hệ thống sông Thái Bình?

A. Kinh Thầy. B. Thương. C. Lục Nam. D. Đáy.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hệ thống sông nào sau đây **không** trực tiếp chảy ra biển Đông trên phần lãnh thổ nước ta?

A. Sông Kỳ Cùng - Bằng Giang. B. Sông Thu Bồn, sông Đồng Nai.
C. Sông Hồng, sông Thái Bình. D. Sông Mê Công và sông Mã.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Đất, hãy cho biết Đất xám trên phù sa cổ tập trung nhiều nhất ở vùng nào?

A. Bắc Trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ. C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thực vật và động vật, cho biết rừng thưa phân bố chủ yếu ở phân khu Địa lí động vật nào sau đây của nước ta?

A. Khu Tây Bắc. B. Khu Bắc Trung Bộ. C. Khu Nam Trung Bộ. D. Khu Nam Bộ.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thực vật và động vật, cho biết Sếu đầu đỏ là loài động vật đặc hữu của vườn quốc gia nào?

A. Bạch Mã. B. Vũ Quang. C. Tràm Chim. D. U Minh Thượng.

Câu 20 Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

A. Tây Côn Lĩnh. B. Kiều Liêu Ti. C. Pu Tha Ca D. Phu Luông.

III. BIỂU BẢNG

Câu 1. Cho bảng số liệu: NHIỆT ĐỘ Ở MỘT SỐ NƠI CỦA NƯỚC TA (Đơn vị: °C)

Câu 3. Qua bảng số liệu:

Nhiệt độ của Hà Nội, Huế và TP Hồ Chí Minh

Địa điểm	t° TB năm (°C)	t° TB tháng lạnh (°C)	t° TB tháng nóng (°C)	Biên độ t° TB năm (°C)
Hà Nội 21°01'B	23,5	16,4 (tháng 1)	28,9 (tháng 7)	12,5
Huế 16°24'B	25,1	19,7 (tháng 1)	29,4 (tháng 7)	9,7
Tp. Hồ Chí Minh 10°47'B	27,1	25,8 (tháng 12)	28,9 (tháng 4)	3,1

3.1. Chọn nhận xét đúng nhất về t° TB năm giữa Hà Nội, Huế và TP.Hồ Chí Minh là:

- A. Tăng dần từ Huế đến Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh.
- B. Tăng dần từ Huế đến TP.Hồ Chí Minh và Hà Nội.
- C. Tăng dần từ Hà Nội đến Huế và TP.Hồ Chí Minh.
- D. Giảm dần từ Hà Nội đến Huế và TP.Hồ Chí Minh.

3.2. Chọn nhận xét đúng nhất về t° TB tháng lạnh nhất giữa Hà Nội, Huế và TP.Hồ Chí Minh là:

- A. Tăng mạnh từ Huế đến Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh.
- B. Tăng mạnh từ Hà Nội đến Huế và TP.Hồ Chí Minh.
- C. Tăng mạnh từ Huế đến TP.Hồ Chí Minh và Hà Nội.
- D. Giảm mạnh từ Hà Nội đến Huế và TP.Hồ Chí Minh.

3.3. Chọn nhận xét đúng nhất về t° TB tháng nóng nhất giữa Hà Nội, Huế và TP.Hồ Chí Minh là:

- A. Tăng dần từ Huế đến Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh.
- B. Tăng dần từ Hà Nội đến Huế và TP.Hồ Chí Minh.
- C. Hà Nội bằng ở Huế và cao nhất là ở TP.Hồ Chí Minh.
- D. Cao nhất ở Huế, TP.Hồ Chí Minh và Hà Nội bằng nhau.

Câu 4. Dựa vào bảng số liệu sau đây về diện tích rừng của nước ta qua một số năm.

(Đơn vị : triệu ha)

Năm	Tổng diện tích rừng	Diện tích rừng tự nhiên	Diện tích rừng trồng
1943	14,3	14,3	0
1983	7,2	6,8	0,4
2005	12,7	10,2	2,5
2019	14,6	10,3	4,3

4.1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự biến động diện tích rừng của nước ta là:

- A. đường.
- B. kết hợp.
- C. miền.
- D. cột chồng.

4.2. Nhận định đúng nhất là về diện tích rừng nước ta từ 1983 đến nay là:

- A. Tổng diện tích rừng tăng không ổn định.
- B. Diện tích rừng tự nhiên tăng liên tục.
- C. Diện tích rừng trồng tăng không ổn định.
- D. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh nhất.

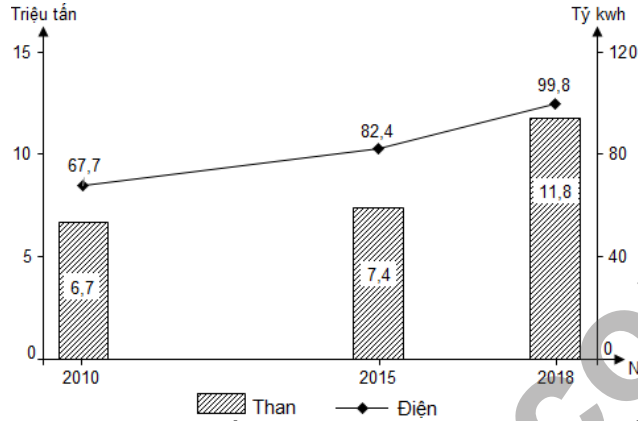
4.3. Nhận định đúng nhất là về diện tích rừng nước ta từ 1983 đến nay là:

- A. Tổng diện tích rừng tăng nhanh nhất.
- B. Diện tích rừng trồng tăng nhiều nhất.
- C. Diện tích rừng tự nhiên nhanh nhất.
- D. Diện tích rừng trồng tăng nhanh nhất.

6.2. Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh về mật độ dân số một số nước Đông Nam Á năm 2019?

- A. In-đô-nê-xi-a có mật độ dân số gấp hơn 5 lần so với mật độ dân số Lào.
- B. Việt Nam có mật độ dân số lớn hơn Campuchia, thấp hơn In-đô-nê-xi-a.
- C. Mật độ dân số Philipin cao gấp 3 lần dân số In-đô-nê-xi-a, 10 lần so với Lào.
- D. Mật độ dân số các nước Đông Nam Á có sự chênh lệch lớn giữa các nước.

Câu 7. Cho biểu đồ của Philippin:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

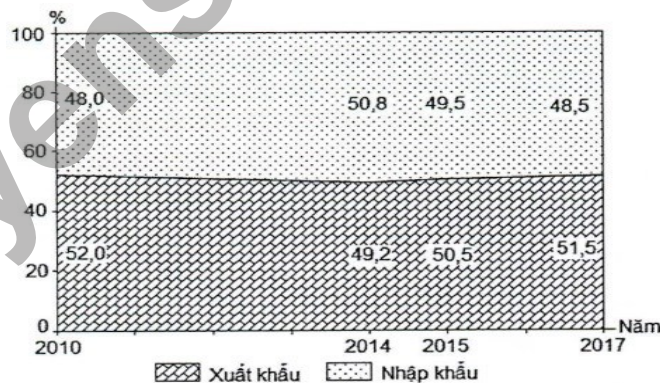
7.1. Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây của Philippin?

- A. Giá trị sản xuất than và điện của Philippin.
- B. Quy mô sản lượng than và điện của Philippin.
- C. Tốc độ tăng sản lượng than và điện của Philippin.
- D. Cơ cấu sản lượng than và điện của Philippin.

7.2. Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện của Phi-li-pin giai đoạn 2010 - 2018?

- A. Cả than và điện đều tăng.
- B. Cả than và điện đều giảm.
- C. Sản lượng điện giảm nhanh.
- D. Sản lượng than giảm nhanh.

Câu 8. Cho biểu đồ sau:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

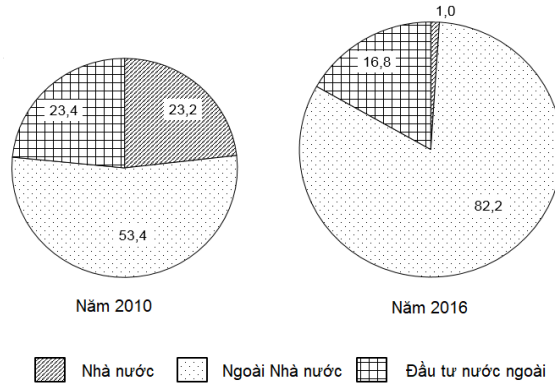
8.1. Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây của In-đô-nê-xi-a?

- A. Tốc độ tăng giá trị xuất nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a.
- B. Quy mô và cơ cấu xuất nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a.
- C. Chuyển dịch cơ cấu xuất nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a.
- D. Tình hình giá trị xuất nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a.

8.2. Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về xuất nhập khẩu hàng hóa của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2010 - 2017?

- A. Cán cân dương trong cả giai đoạn 2010 - 2014.
- B. Xuất khẩu tăng.
- C. Cán cân âm trong cả giai đoạn 2015 - 2017.
- D. Nhập khẩu tăng.

Câu 9. Cho biểu đồ:



Câu 9.1. Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây về sản lượng đường nước ta?

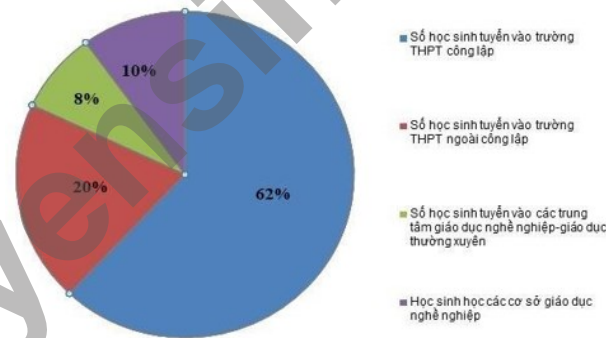
- A. Quy mô và cơ cấu sản lượng đường kính phân theo thành phần kinh tế nước ta, năm 2010 và 2016.
- B. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng đường phân theo thành phần kinh tế nước ta, năm 2010 và 2016.
- C. Tình tăng sản lượng đường kính phân theo thành phần kinh tế của nước ta, năm 2010 và 2016.
- D. Tốc độ tăng sản lượng đường kính phân theo thành phần kinh tế của nước ta, năm 2010 và 2016.

Câu 9.2. Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng về cơ cấu sản lượng đường kính phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2016 so với 2010?

- A. Đầu tư nước ngoài giảm, ngoài Nhà nước tăng.
- B. Nhà nước giảm, ngoài Nhà nước tăng.
- C. Nhà nước và ngoài Nhà nước đều tăng.
- D. Đầu tư nước ngoài và Nhà nước đều giảm.

Câu 10. Dựa vào các thông tin được cung cấp dưới đây để trả lời các câu hỏi.

Theo thống kê của Sở GD&ĐT Hà Nội, năm học 2018- 2019, dự kiến toàn thành phố có 101.460 học sinh xét tốt nghiệp THCS, giảm khoảng 4.000 học sinh so với năm học 2017-2018. Kỳ tuyển sinh vào THPT công lập năm 2019-2020 sẽ giảm 3.000 chỉ tiêu so với năm 2018-2019. Số lượng học sinh kết thúc chương trình THCS năm học 2018-2019 sẽ được phân luồng trong năm học 2019-2020 như biểu đồ hình bên:



[Nguồn: www.vietnamplus.vn]

10.1. Theo dự kiến trong năm học 2019-2020, Sở GD&ĐT Hà Nội sẽ tuyển khoảng bao nhiêu học sinh vào trường THPT công lập?

- A. 62.900 học sinh.
- B. 65.380 học sinh.
- C. 60.420 học sinh.
- D. 61.040 học sinh.

10.2. Chỉ tiêu vào THPT công lập nhiều hơn chỉ tiêu vào THPT ngoài công lập bao nhiêu phần trăm?

- A. 24%.
- B. 42%.
- C. 63%.
- D. 210%.

10.3. Trong năm 2018-2019 Hà Nội đã dành bao nhiêu phần trăm chỉ tiêu vào THPT công lập?

- A. 62,0%.
- B. 60,7%.
- C. 61,5%.
- D. 63,1%.

===== HẾT =====